TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẾN CẦU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2018/HNGĐ-ST
Ngày 21-9-2018
V/v tranh chấp ly hôn, về nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN CẦU – TỈNH TÂY NINH

- *T*hành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Trang Thái Châu.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Dương Xuân Thanh;
2. Ông Nguyễn Văn Hải.

- Thư ký phiên tòa: ông Lê Tiến Danh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa***: ông Hoàng Đình Lưỡng - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 236/2018/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2018 về "tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Lê Thị Thanh T, sinh năm 1989.
Địa chỉ: Tổ 4/ô4, ấp X, xã Y, huyện Z, tỉnh Tây Ninh. có mặt
2. Bị đơn: anh Đỗ Hoàng N, sinh năm 1987.
Địa chỉ: ấp X1, xã Y1, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 26-7-2018 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn chị Lê Thị Thanh T trình bày: Chị và anh Đỗ Hoàng N kết hôn vào năm 2015, có đăng ký kết hôn và được UBND xã Y1, huyện Bến Cầu cấp giấy chứng nhận kết hôn năm 2015. Vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 3/2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh N thường xuyên sang casino Campuchia đánh bạc, không quan T chăm sóc gia đình từ đó làm cho cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nên tháng 4/2018 chị có khởi kiện xin ly hôn với anh N tại Tòa án nhưng do anh N cam kết sửa đổi nên chị rút đơn để hàn gắn. Tuy nhiên, từ đó cho đến nay anh N không thay đổi nên ly thân từ tháng 4/2018 cho đến nay. Xét thấy tình cảm không còn, không thể hàn gắn nên chị yêu cầu ly hôn với anh N.

- Về con chung: Chị và anh N có một con chung tên Đỗ Hoàng Th, sinh ngày 26-11-2015, hiện đang sống với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Th, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị và anh N không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị cam kết vợ chồng không có nợ ai.

Bị đơn anh Đỗ Hoàng N đã khai: Về hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn anh N thừa nhận như lời trình bày của chị T. Tuy nhiên anh thấy rằng mâu thuẫn có thể hòa giải, hàn gắn và anh vẫn còn thương vợ, thương con nên anh không chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T, yêu cầu hòa giải đoàn tụ.

- Về con chung: Anh và chị T có một con chung tên Đỗ Hoàng Th, sinh ngày 26-11-2015, hiện đang sống với chị T. Nếu ly hôn, anh đồng ý giao cháu Th cho chị T nuôi dưỡng, anh không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh và chị T không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh cam kết vợ chồng không có nợ ai.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo qui định pháp luật. Kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Kiểm sát viên không thấy vấn đề vi phạm tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Thanh T đối với anh Đỗ Hoàng N.

Về án phí: Buộc chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do các bên cung cấp và qua kết quả thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Chị Lê Thị Thanh T có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Đỗ Hoàng N, anh N có địa chỉ cư trú tại huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh nên Tòa án nhân dân huyện Bến Cầu thụ lý và giải quyết là đúng theo qui định tại Điều 28, 35 Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết, anh N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, do đó áp dụng Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh N là hợp pháp.

[2] Về hôn nhân: Chị T và anh N kết hôn vào năm 2015, được cấp giấy chứng nhận kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Quá trình làm việc, anh N thừa nhận thường xuyên đánh bạc, không quan T chăm sóc gia đình, lời thừa nhận của anh N phù hợp với lời khai của chị T, phù hợp với tài liệu, chứng cứ thu thập. Tuy nhiên, anh N không chấp nhận yêu cầu của chị T, yêu cầu hòa giải đoàn tụ nhưng anh N không có biện pháp nào để khắc phục và có đơn đề nghị hòa giải, xét xử vắng mặt, điều đó thể hiện anh N không có thiện chí hòa giải, hàn gắn.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh N là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị T là có căn cứ chấp nhận theo qui định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về con chung: Chị T và anh N thống nhất có một con chung tên Đỗ Hoàng Th, sinh ngày 26-11-2015, hiện đang sống với chị T, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Th. Xét thấy, cháu Th dưới 36 tháng tuổi nên giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, ghi nhận chị T không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh N không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu án phí theo qui định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; anh N không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Thanh T đối với anh Đỗ Hoàng N. Chị T được ly hôn với anh N.

2. Về con chung: Giao cháu Đỗ Hoàng Th, sinh ngày 26-11-2015 cho chị Lê Thị Thanh T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Không ai được cản trở anh N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh N không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Chị Lê Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, cho khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số: 0021563 ngày 26-7-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh. Anh Đỗ Hoàng N không phải chịu án phí.

5. Về quyền kháng cáo bản án: Chị Lê Thị Thanh T có quyền kháng cáo theo trình tự thủ tục phúc thẩm lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Đỗ Hoàng N có quyền kháng lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp pháp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Bến Cầu;
- C.c THADS huyện Bến Cầu;
- UBND xã Y1 (lưu);
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trang Thái Châu